

Số: 173/2020/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 8 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị M, sinh năm 1996

HKTT: khu phố H 2, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: anh Lục Văn T, sinh năm 1989

HKTT: xóm H, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị M và anh Lục Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị M và anh Lục Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: chị M, anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Lục Bảo Lan A, sinh ngày 10/5/2014; Lục Thủy T, sinh ngày 10/01/2017; Lục Yên N, sinh ngày 25/02/2020.

Chị M, anh T thống nhất thỏa thuận: Giao cả 03 con chung là Lục Bảo Lan A, sinh ngày 10/5/2014; Lục Thủy T, sinh ngày 10/01/2017; Lục Yến N, sinh ngày 25/02/2020 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị M có yêu cầu.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

2.4. Về án phí: chị Trần Thị M thỏa thuận tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004864, ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Chị M được hoàn lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND TT Đ
- (cơ quan đăng ký kết hôn);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Mạc Thị Hồng